TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1316/2026/QĐST- HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 03 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1638/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Quan Anh T, sinh năm 1996; Căn cước công dân số 075096016935 Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 09/9/2022;

Địa chỉ: Số B, khu phố B, phường T, thành phố Đ;

+ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1994; Căn cước công dân số 075194021186, Cục C về trật tự xã hội cấp ngày 09/9/2022;

Địa chỉ: Số B, khu phố B, phường T, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Quan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim H cùng làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ngày 24/7/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông T và bà H đoàn tụ; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên ông T và bà H đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên không đồng ý đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Quan Ngọc Mẫn N, sinh ngày 08/7/2020 và Quan Phúc A, sinh ngày 16/12/2022. Sau ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Hai bên thỏa thuận ông T cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 2.500.000đ/tháng (hai triệu đồng). Tổng cộng 2 con là 5.000.000đ/tháng (năm triệu

đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông T và bà H chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim Hiếu thuận T1 ly hôn.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung là Quan Ngọc Mẫn N, sinh ngày 08/7/2020 và Quan Phúc A, sinh ngày 16/12/2022 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Quan Anh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 2.500.000đ/tháng (hai triệu đồng). Tổng cộng 2 con là 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà H mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0015318 ngày 19/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ, ông T, bà H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND phường T, thành phố Đ
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại